



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau

Ngày 31/03/2025	33,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.5%	-9.1%	-

DT thuần Q1/25
3,407
tỷ VNĐ
QoQ: ▼807 -19.2%
YoY: ▲ 663 24.2%

LN thuần Q1/25
452
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 140 44.9%
YoY: ▲ 77.0 20.5%

LN sau thuế Q1/25
412
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 126 44.1%
YoY: ▲ 62.0 17.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
13.8%
YoY: +/-▲ 5.8%

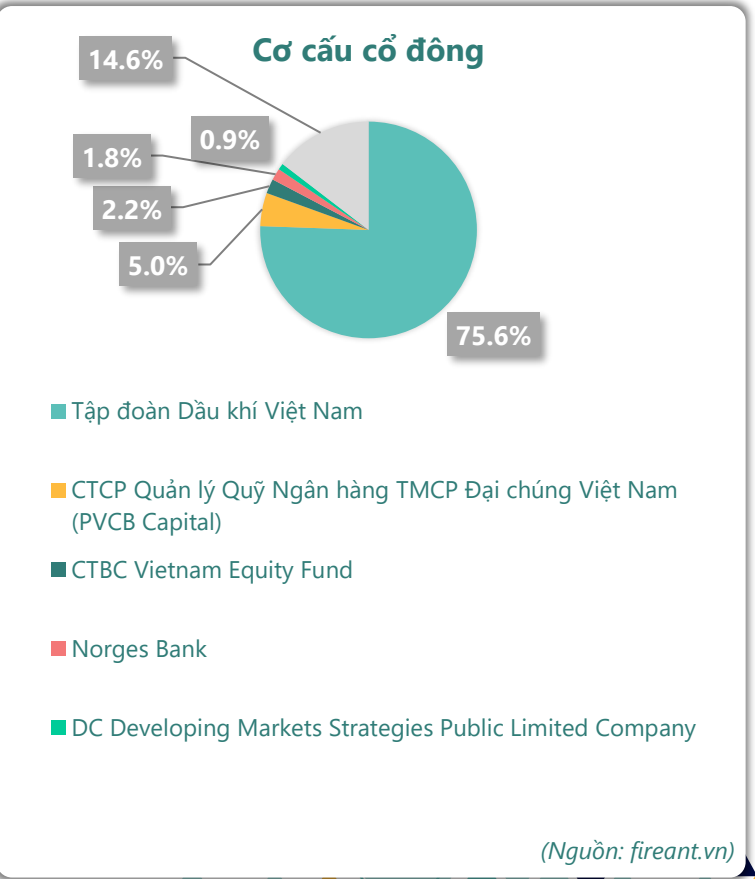
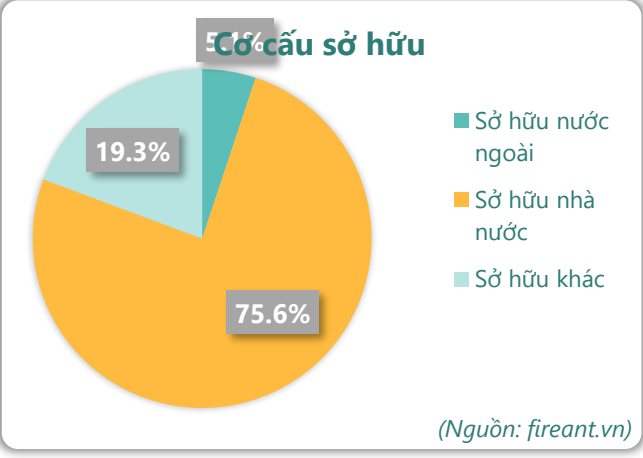
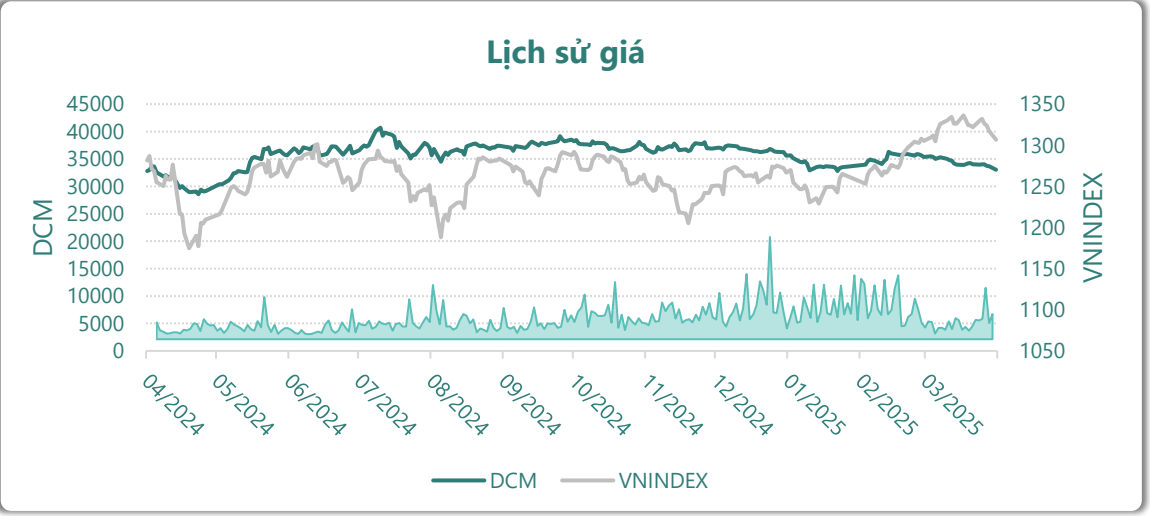
ROE (TTM) Q1/25
13.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,566 - 40,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,497
Số lượng CPLH (CP)	529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,822,090
Sở hữu nước ngoài	5.1%
Beta	1.05
EPS	2,642
P/E	12.5

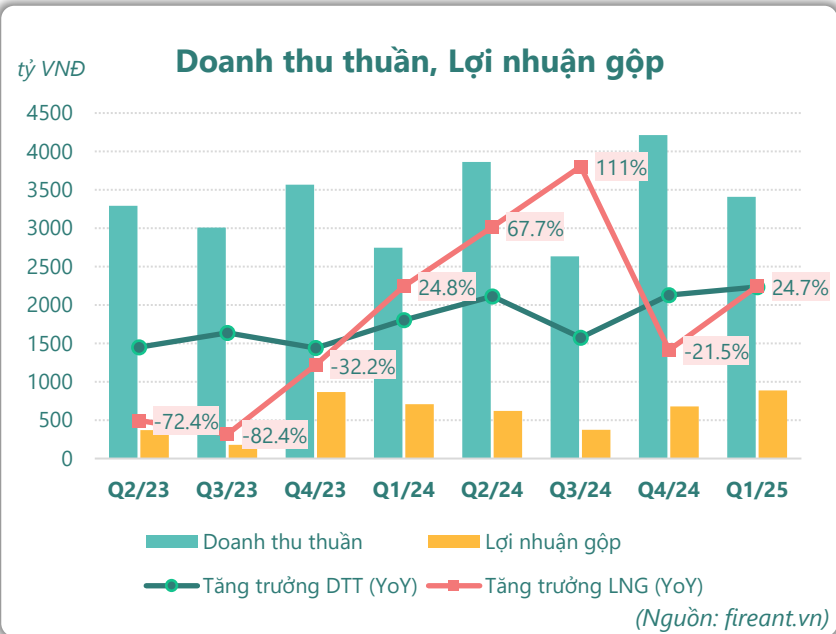
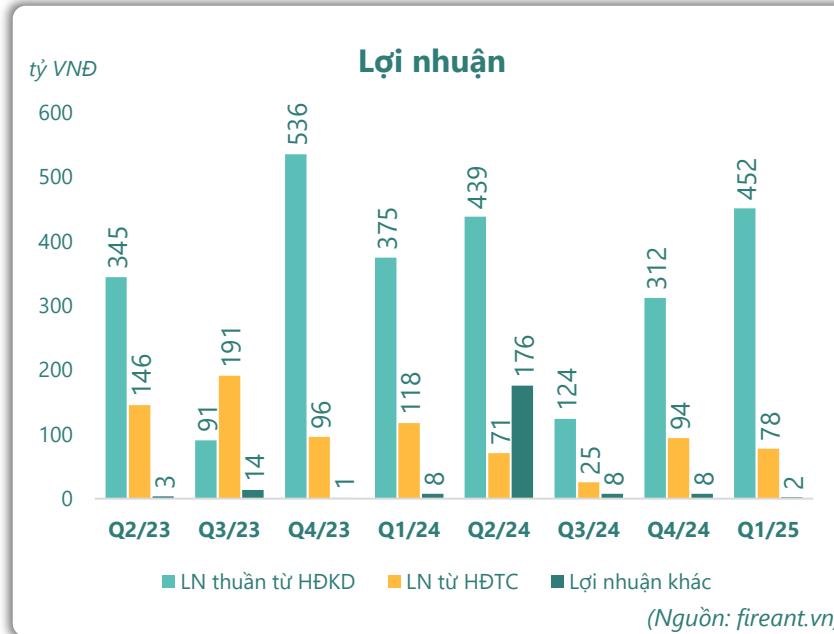
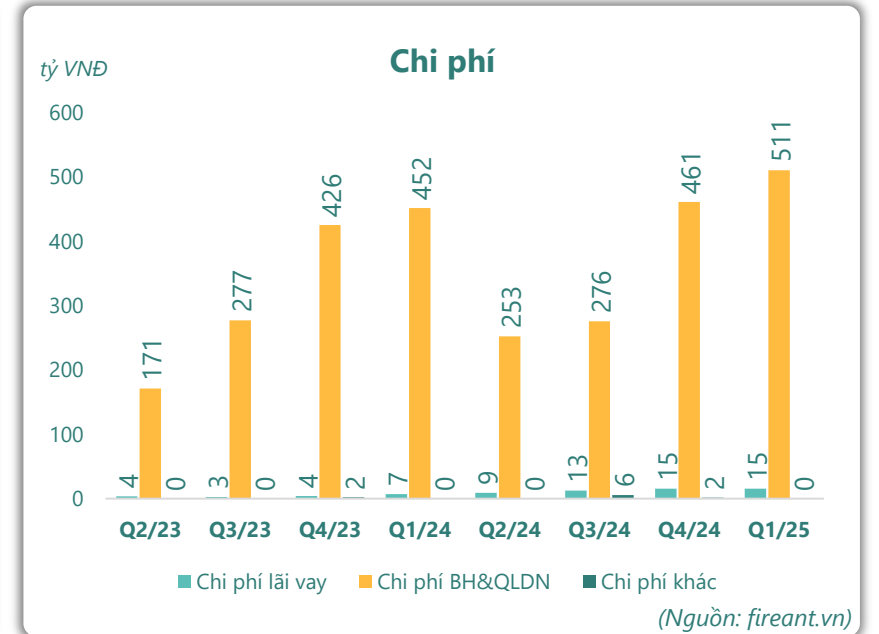
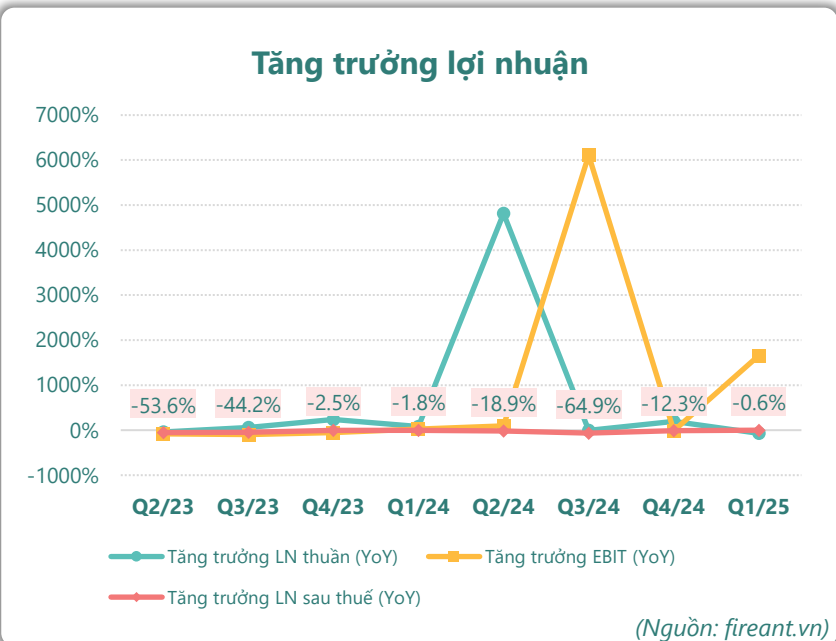
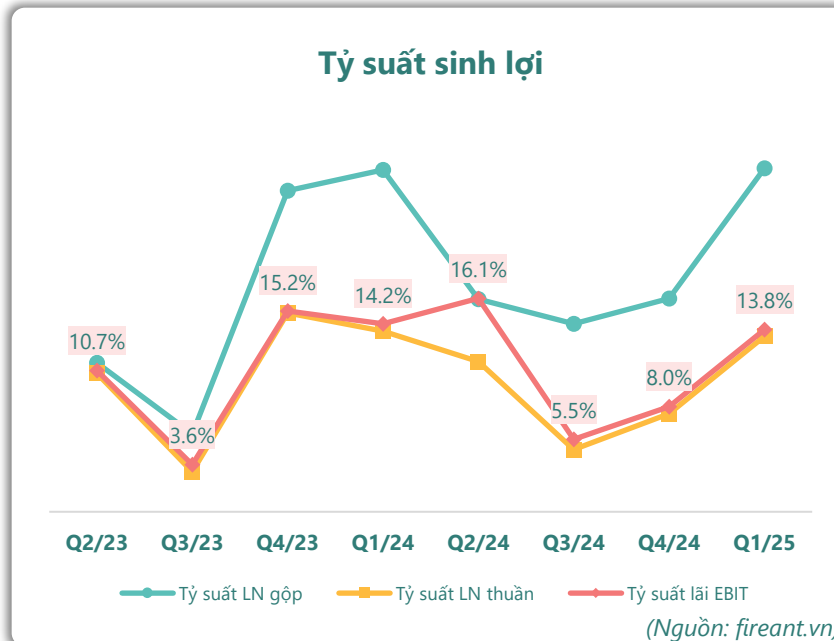
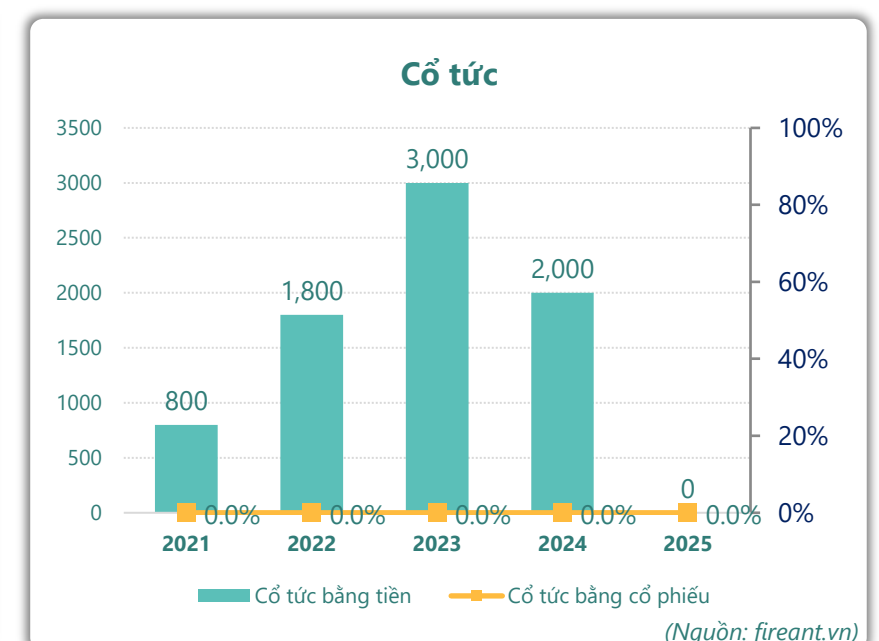
DT thuần 2024
13,456
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 885 7.0%

LN thuần 2024
1,323
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.0 7.4%

LN sau thuế 2024
1,428
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 318 28.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH



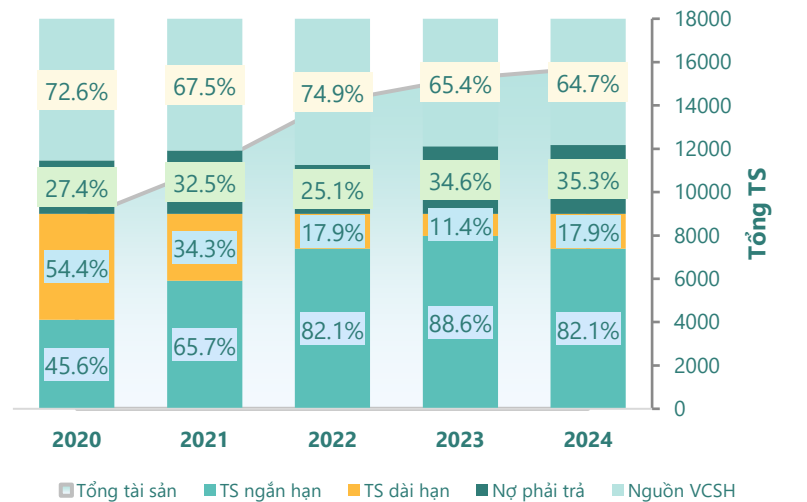


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

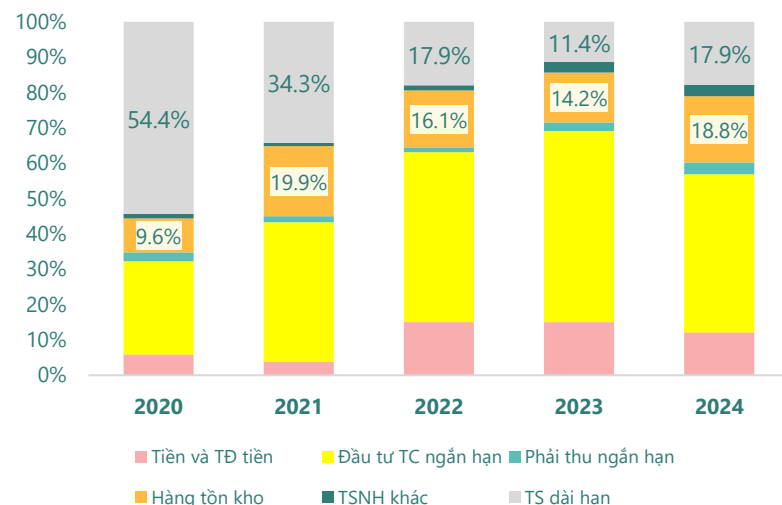
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

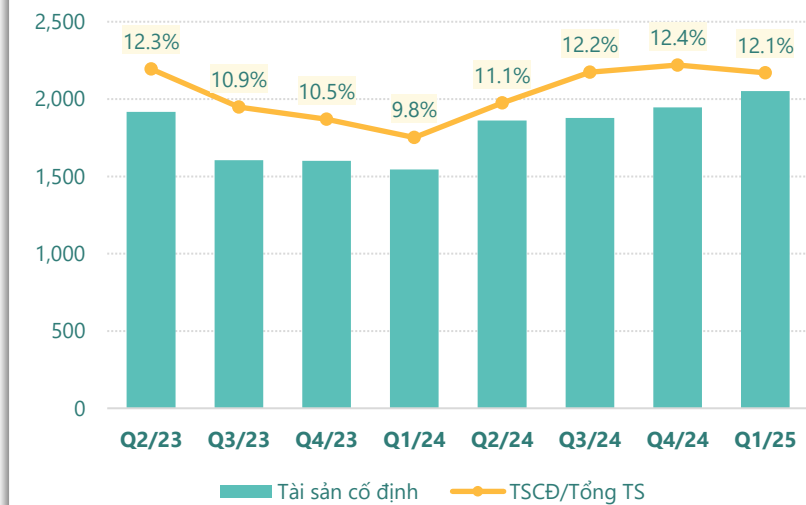
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

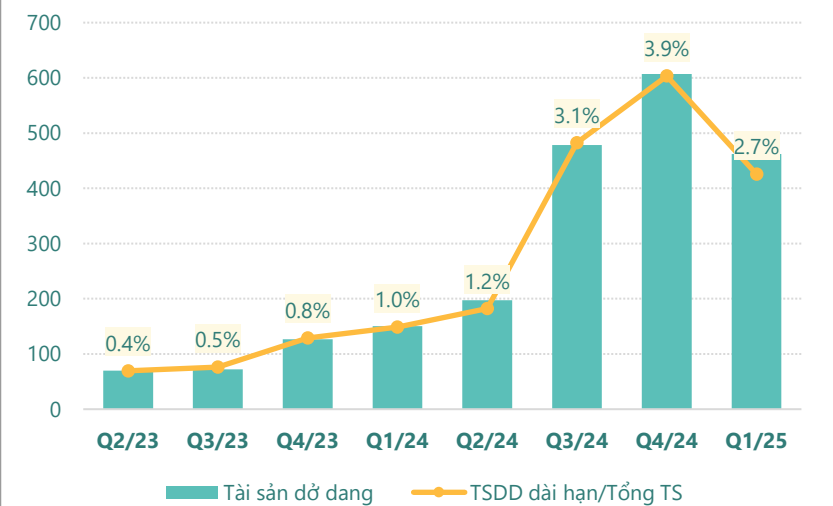
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

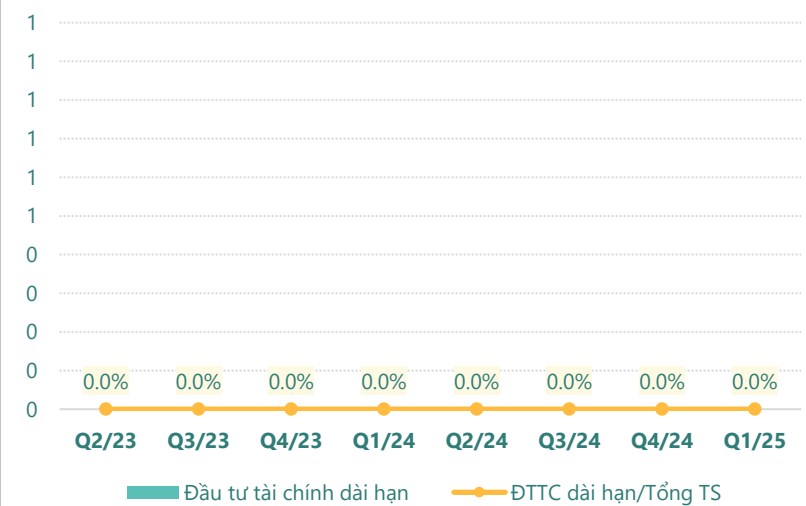
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

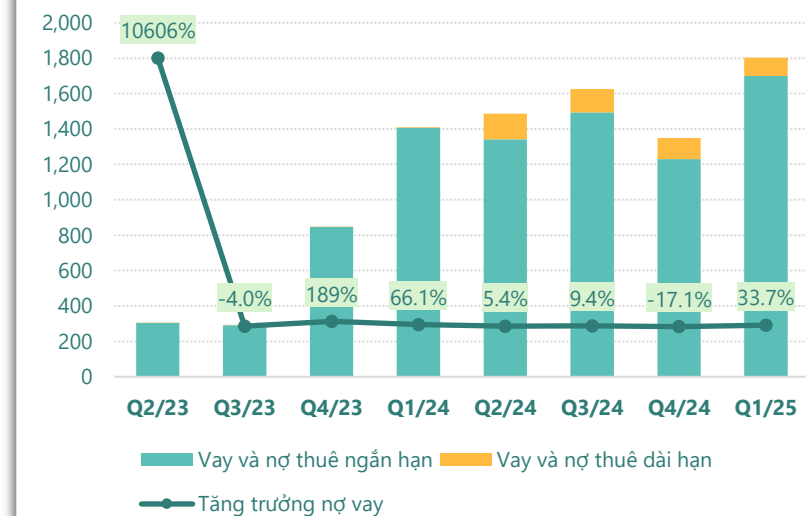
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

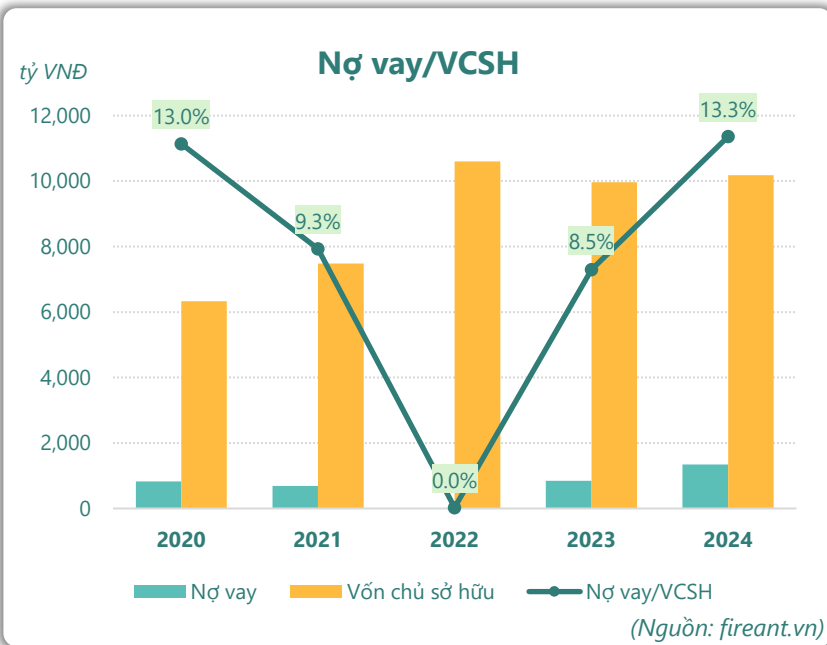
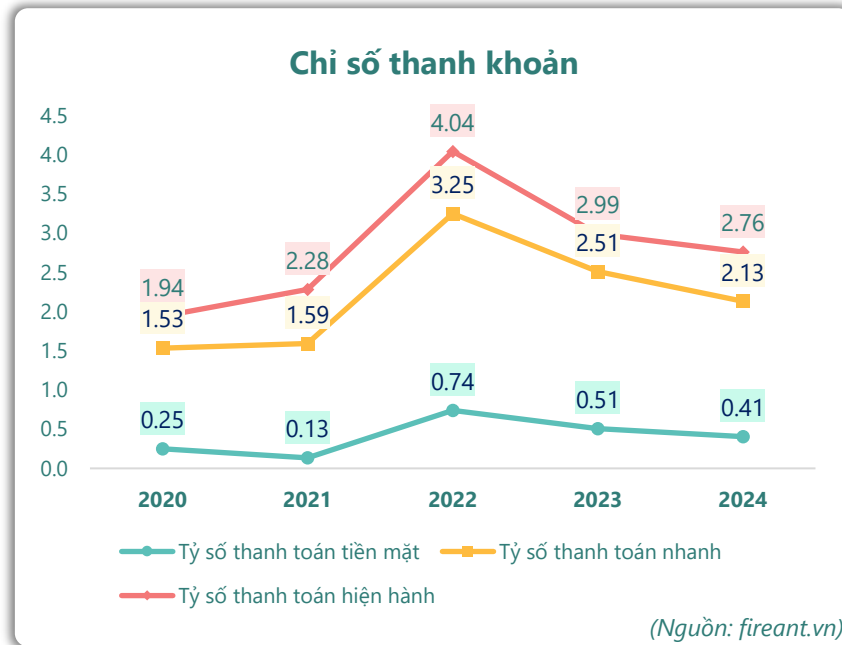
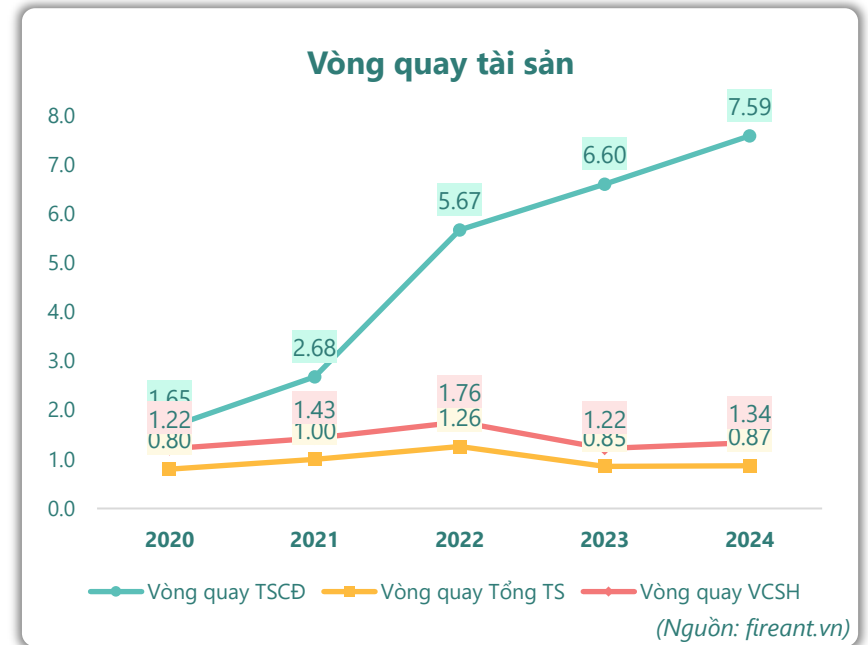
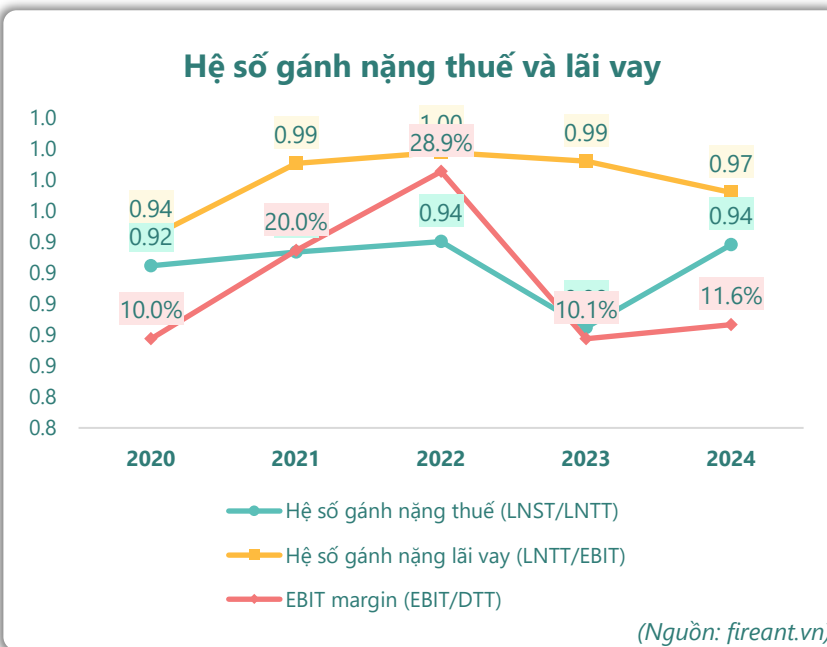
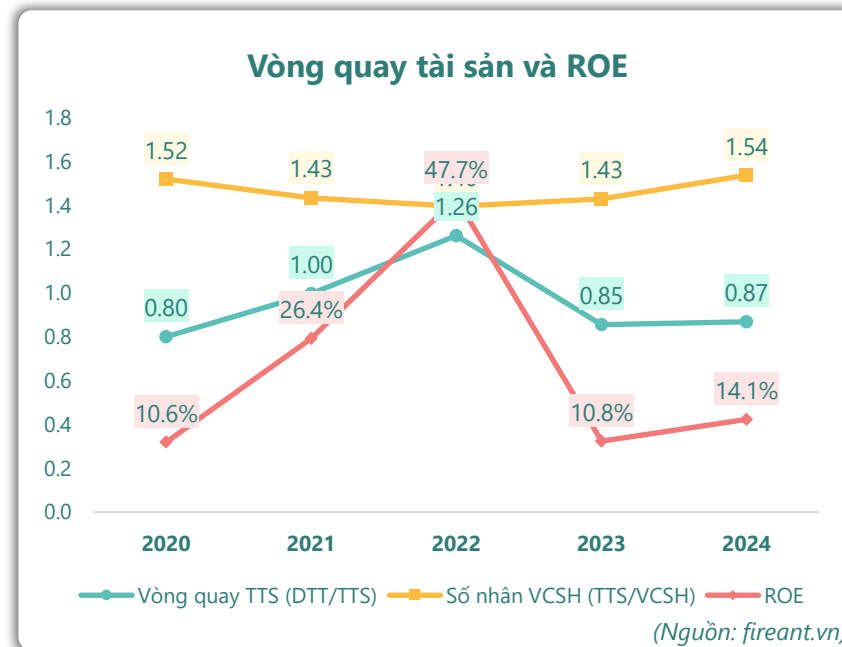
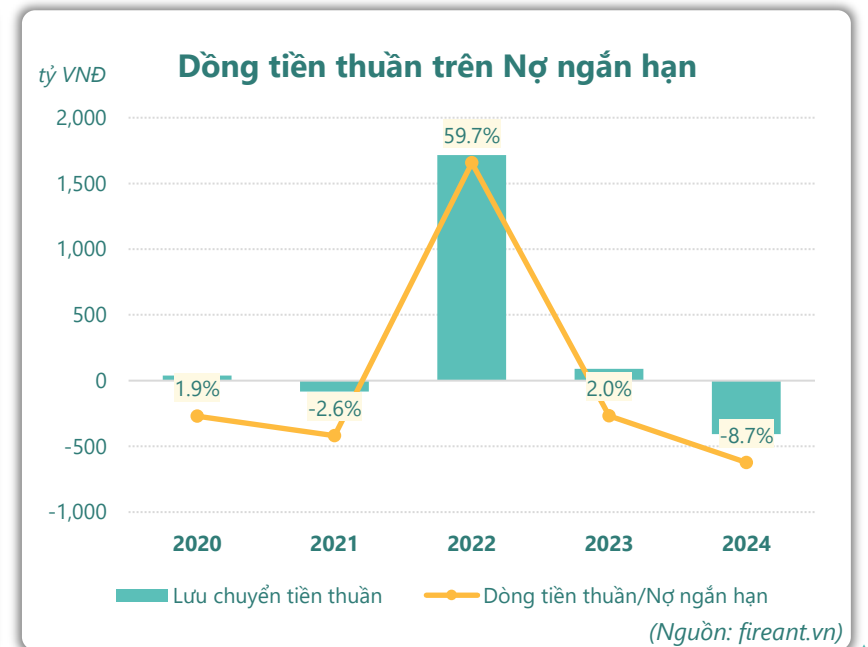
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,407	2,744	24.2%	13,456	12,571	7.0%
Giá vốn hàng bán	2,522	2,034	24.0%	10,942	10,539	3.8%
Lợi nhuận gộp	885	710	24.7%	2,513	2,032	23.7%
Doanh thu HĐTC	97.0	132	-26.5%	382	577	-33.8%
Chi phí TC	19.0	14.0	35.7%	76.6	27.4	180%
Chi phí lãi vay	15.5	7.24	114%	44.4	10.2	337%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	339	337	0.7%	1,014	801	26.7%
Chi phí QLDN	172	115	49.5%	481	549	-12.3%
LN thuần từ HĐKD	452	375	20.5%	1,323	1,232	7.4%
Lợi nhuận khác	1.90	7.63	-75.2%	199	22.5	784%
LN trước thuế	454	383	18.5%	1,522	1,255	21.3%
Lợi nhuận sau thuế	412	350	17.7%	1,428	1,110	28.6%
LNST của CĐ cty mẹ	411	346	18.9%	1,420	1,109	28.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	50.4	-234	191	-732	836	-249
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-617	465	606	-187	-807	-132
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	544	561	8.41	-924	-286	455
Tiền đầu kỳ	2,305	2,284	3,117	3,975	2,112	1,903
Lưu chuyển tiền thuần	-22.6	793	806	-1,843	-258	73.2
Ảnh hưởng tỷ giá	2.06	39.6	52.4	-32.3	49.3	14.4
Tiền cuối kỳ	2,284	3,117	3,975	2,112	1,903	1,991

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	16,887	15,729	7.4%
Tài sản ngắn hạn	14,135	12,921	9.4%
Tiền và tương đương tiền	1,991	1,903	4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,009	7,039	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	1,409	529	167%
Hàng tồn kho	3,250	2,950	10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	476	500	-4.7%
Tài sản dài hạn	2,752	2,808	-2.0%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	2,051	1,946	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	462	601	-23.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	238	260	-8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,323	5,552	13.9%
Nợ ngắn hạn	5,453	4,681	16.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,700	1,229	38.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,511	1,612	-6.2%
Nợ dài hạn	870	871	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	103	120	-13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,565	10,177	3.8%
Vốn chủ sở hữu	10,565	10,177	3.8%
Vốn điều lệ	5,294	5,294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

